

CÔNG KHAI KẾT QUẢ GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG ĐẾN 31/12/2024

ĐVT: Triệu đồng

STT	Dự án	Kế hoạch 2024					Giải ngân đến 31/12/2024					Ghi chú	
		Tổng kế hoạch	Trong đó				Tổng giải ngân đến 31/12/2024	Trong đó					
			Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		% so KH
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG CỘNG	239.056	137.365	-	-	101.691	227.336	128.247	0	0	99.090	95,1	
A	VỐN TÍNH QUẢN LÝ	950	950	-	-	-	950	950	0	0	0	100,0	
	Dự án tắt toán, thanh toán khối lượng												
1	Bê tông nhựa các tuyến đường thị trấn Gò Dầu (Đường Hùng Vương, Dương Văn Nót, Trường Chinh, Lê Trọng Tấn và các tuyến nhánh)	950	950				950	950				100,0	
B	VỐN TÍNH HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU	136.415	136.415	-	-		127.297	127.297	0	0		93,3	
1	Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới	49.230	49.230	0	0	16.110	41.982	41.982	0	0	15.000	85,3	
*	Khởi công mới												
1	Làng nhựa đường trục ấp đường số 1A ấp Phước Bình B, xã Phước Thạnh	790	790			450	790	790			450	100,0	
2	Làng nhựa đường trục ấp đường tổ 5 (đi nhà 7 Hun) ấp Phước Bình A, xã Phước Thạnh	725	725			320	725	725			320	100,0	
3	Làng nhựa đường trục ấp đường số 33 ấp Phước An, xã Phước Thạnh	460	460			450	460	460			450	100,0	
4	Làng nhựa đường trục ấp đường số 31 ấp Phước An, xã Phước Thạnh	245	245			220	245	245			220	100,0	
5	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục chính nội đồng đường nhánh số 28 ấp Phước Bình B, xã Phước Thạnh	260	260			310	260	260			310	100,0	
6	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục chính nội đồng đường số 26 ấp Phước Bình B, xã Phước Thạnh	255	255			230	255	255			230	100,0	
7	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường TCND đường tổ 2 - tổ 8 ấp Phước Bình B, xã Phước Thạnh	735	735			900	735	735			900	100,0	
8	Làng nhựa đường trục ấp đường 74 ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	835	835			380	835	835			380	100,0	
9	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường nhánh (Tổ 1) trục chính nội đồng đường số 72 ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	300	300			295	300	300			295	100,0	
10	Làng nhựa đường trục ấp đường số 52 nối tiếp ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	470	470			450	470	470			450	100,0	
11	Làng nhựa đường trục ấp đường nhánh số 22 ấp Phước Hội B, xã Phước Thạnh	535	535			490	535	535			490	100,0	
12	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường nhánh số 52 ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	175	175			170	175	175			170	100,0	
13	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục chính nội đồng đường nhánh số 32 ấp Phước Tây, xã Phước Thạnh	355	355			330	355	355			330	100,0	
14	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường hẻm 84 ấp Phước Bình A, xã Phước Thạnh	140	140			140	140	140			140	100,0	
15	Làng nhựa đường trục ấp đường cấp văn phòng ấp Phước Bình A, xã Phước Thạnh	565	565			500	565	565			500	100,0	
16	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường số 04 ấp Phước An, xã Phước Thạnh	290	290			270	290	290			270	100,0	
17	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường TCND đường số 30 ấp Phước Bình B, xã Phước Thạnh	300	300			270	300	300			270	100,0	
18	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường số 29 ấp Phước Bình B, xã Phước Thạnh	135	135			130	135	135			130	100,0	
19	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường số 76 ấp Phước Hòa, xã Phước Thạnh	120	120			110	120	120			110	100,0	
20	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường nhánh đường Phước Thạnh - Phước Đông (Đường Cầu Ó) Nhà ông Tư Lao ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	90	90			80	90	90			80	100,0	

STT	Dự án	Kế hoạch 2024					Giải ngân đến 31/12/2024						Ghi chú
		Tổng kế hoạch	Trong đó				Tổng giải ngân đến 31/12/2024	Trong đó				% so KH	
			Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
21	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường TCND đường nhánh đường Phước Thạnh - Phước Đông (Đường Cầu Ô) Nhà trọ Ngăn Khánh - đất ruộng ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	310	310			270	310	310			270	100,0	
22	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường số 4 ấp Phước Đông (2 đoạn), xã Phước Thạnh	380	380			340	380	380			340	100,0	
23	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường TCND đường nhánh đường số 72 ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh (nhà ông Dặc)	455	455			300	455	455			300	100,0	
24	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường nhánh số 24 ấp Phước Đông (3 đoạn), xã Phước Thạnh	510	510			630	510	510			630	100,0	
25	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường nhánh số 327 (Đoạn 2)(tổ 7 nhà Út Chúa và nhà bà Thia) ấp Phước Hới A, xã Phước Thạnh	260	260			290	260	260			290	100 0	
26	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường nhánh số 49 ấp Phước Hòa, xã Phước Thạnh	225	225			220	225	225			220	100,0	
27	BTXM đường trục ấp đường Cầu Tư Hu ấp Phước Đông , xã Phước Thạnh	255	255			220	255	255			220	100,0	
28	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường tổ 2 ấp Phước Đông (Đường xuống nhà bà Bội)	135	135			125	135	135			125	100,0	
29	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp, ấp Phước Đông (Đường nhà ông Đặng Văn Rảnh)	135	135			145	135	135			145	100,0	
30	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường số 36+46 ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	390	390			360	390	390			360	100,0	
31	Láng nhựa đường trục ấp đường số 103, ấp Phước Tây, xã Phước Thạnh	170	170			165	170	170			165	100,0	
32	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường số 62+66 ấp Phước Hòa, xã Phước Thạnh	300	300			290	300	300			290	100,0	
33	BTXM Đường trục ấp đường số 90, ấp Phước Bình A, xã Phước Thạnh	275	275			240	275	275			240	100,0	
34	BTXM đường trục ấp đường tổ 3 ấp Giữa, xã Hiệp Thạnh	280	280			250	280	280			250	100,0	
35	BTXM đường trục ấp đường hẻm 2 Đối - 3 Giang ấp Giữa, xã Hiệp Thạnh	300	300			260	300	300			260	100,0	
36	BTXM đường và mương đường trục ấp đường tổ 12 ấp Phước Đức B, xã Phước Đông	0				485	0	0			335		
37	Láng nhựa đường trục ấp đường số 29-782 ấp Suối Cao B, xã Phước Đông	0				950	0	0			650		
38	BTXM đường và mương đường trục ấp đường tổ 12 ấp Suối Cao A, xã Phước Đông	0				420	0	0			320		
39	BTXM đường trục ấp đường số 54 ấp 4 xã Bàu Đồn	0				410	0	0			410		
40	BTXM đường trục ấp đường số 56 ấp 4 xã Bàu Đồn	0				650	0	0			570		
41	BTXM đường trục ấp đường tổ 9 ấp Bến Đình, xã Thạnh Đức	250	250			250	250	250			250	100,0	
42	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường tổ 8-9 Cầu Cây Dương ấp Bến Rộng, xã Thạnh Đức	435	435			410	435	435			410	100,0	
43	Hệ thống chiếu sáng công cộng các tuyến đường giao thông nông thôn mới xã Phước Thạnh	700	700			600	700	700			600	100,0	
44	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng công cộng trên tuyến đường Man Chà ấp 7, xã Bàu Đồn	0				1.120	0	0			640		
45	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng công cộng trên tuyến đường Cẩm An-Làng Cát ấp Cẩm An, xã Cẩm Giang	510	510			215	510	510			215	100,0	
46	BTXM đường liên tổ 11-12-9 (hộ Nguyễn Văn Lặc đến hộ bà Phạm Thị Dén) ấp Cẩm Thắng, xã Cẩm Giang	450	450				450	450				100,0	
47	BTXM đường liên tổ 15-16-17 (hộ Trần Văn Nhà đến hộ ông Nguyễn Văn Thông) ấp Cẩm Thắng, xã Cẩm Giang	400	400				400	400				100,0	
48	BTXM đường liên tổ 11-13 (hộ Lê Thị Nhờ đến hộ ông Nguyễn Hoàn Tuấn) ấp Cẩm Thắng, xã Cẩm Giang	350	350				350	350				100,0	
49	BTXM đường liên tổ 14-15 (hộ Phạm Văn Bạch đến hộ ông Nguyễn Văn Thanh) ấp Cẩm Thắng, xã Cẩm Giang	300	300				300	300				100,0	
50	Láng nhựa đường trục ấp đường số 5 ấp Xóm Bó, xã Hiệp Thạnh	1.500	1.500				1.305	1.305				87,0	
51	BTXM đường trục ấp đường số 4 ấp Đà Háng, xã Hiệp Thạnh	1.000	1.000				961	961				96,1	
52	Láng nhựa đường trục ấp đường tổ 3, tổ 4 ấp Cây Da, xã Hiệp Thạnh	850	850				795	795				93,5	

STT	Dự án	Kế hoạch 2024					Giải ngân đến 31/12/2024						Ghi chú
		Tổng kế hoạch	Trong đó				Tổng giải ngân đến 31/12/2024	Trong đó				% so KH	
			Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
53	BTXM đường trục áp đường đối diện VP ấp Đa Hạng, xã Hiệp Thanh	450	450				436	436				97,0	
54	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục áp đường tổ 4 (2 nhánh) ấp Cây Đa, xã Hiệp Thanh	250	250				250	250				100,0	
55	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục áp đường tổ 02 ấp Cầu Sắt xã Thạnh Đức	300	300				300	300				100,0	
56	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục áp đường tổ 03 Đồng lúa gieo ấp Rộc B xã Thạnh Đức	1.000	1.000				707	707				70,7	
57	Sửa chữa đường và cải tạo mương đường số 20, đường nhánh số 20 và đường số 22 ấp Xóm Mía , xã Phước Trach	1.250	1.250				808	808				64,7	
58	Sửa chữa đường và cải tạo mương đường số 7 ấp Bàu Vũng, xã Phước Trach	520	520				203	203				39,0	
59	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường TCND tổ 8-9 và tổ 12 ấp Bàu Vũng, xã Phước Trach	520	520				404	404				77,7	
60	Nâng cấp BTXM đường trục áp đường số 4 ấp Bàu Vũng, xã Phước Trach	160	160				61	61				37,9	
61	Sửa chữa đường số 24 ấp Xóm Mía, xã Phước Trach	320	320				135	135				42,2	
62	Cải tạo mương đường số 1A và đường nhánh 1B , xã Phước Trach	810	810				517	517				63,9	
63	Cải tạo mương đường số 5 ấp Cây Ninh, xã Phước Trach	600	600				271	271				45,1	
64	Nâng cấp BTXM đường trục áp đường tổ 13 và tổ 10-14 ấp Bàu Vũng, xã Phước Trach	450	450				347	347				77,2	
65	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng công cộng đường số 23 ấp Bàu Vũng	625	625				625	625				100,0	
66	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng công cộng đường số 25 ấp Cây Ninh	400	400				400	400				100,0	
67	Sửa chữa Tiểu học Phước Trach	450	450				450	450				100,0	
68	Sửa chữa THCS Trần Hưng Đạo	500	500				435	435				87,0	
69	Sửa chữa Trung tâm văn hóa học tập cộng đồng xã Phước Trach	400	400				390	390				97,4	
70	Sửa chữa Nhà văn hóa - Thể thao ấp Bàu Vũng	50	50				25	25				50,9	
71	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường TCND đường liên ấp Cẩm An - Cẩm Bình, xã Cẩm Giang	500	500				246	246				49,2	
72	Làng nhựa đường trục áp đường liên ấp Cẩm Long - Cẩm Bình (đường Cẩm Giang 7), xã Cẩm Giang	450	450				331	331				73,5	
73	Làng nhựa đường trục áp đường số 15 QL22B ấp Cẩm Long, xã Cẩm Giang	750	750				574	574				76,6	
74	Làng nhựa đường trục áp nhánh đường số 19 đoạn tổ 6,7,13 ấp Cẩm Bình, xã Cẩm Giang	450	450				313	313				69,5	
75	BTXM đường trục áp đường tổ 16-17-15; tổ 14-15; tổ 11-13 và tổ 11-12-9 ấp Cẩm Thăng, xã Cẩm Giang	450	450				450	450				100,0	
76	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng công cộng đường số 17 Cẩm Long – Cẩm Bình (đường nhựa ven trường học Cẩm Long)	650	650				641	641				98,6	
77	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng công cộng đường số 3 (Đường Lon - Cây Cậy) ấp Cẩm Thăng xã Cẩm Giang	510	510				212	212				41,7	
78	Sửa chữa Trường THCS Lê Lợi	680	680				680	680				100,0	
79	Sửa chữa, nâng cấp Hàng rào Trường Mầm Non Cẩm Giang (Điểm chính)	300	300				151	151				50,5	
80	Xây mới hàng rào Nhà văn hóa – Thể thao ấp Cẩm An	200	200				89	89				44,4	
81	Xây mới hàng rào Nhà văn hóa – Thể thao ấp Cẩm Long	250	250				211	211				84,5	
82	Nâng cấp sân nền khuôn viên Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Học tập cộng đồng xã Cẩm Giang	420	420				321	321				76,4	
83	Lắp đặt dụng cụ thể thao ngoài trời xã Cẩm Giang	150	150				146	146				97,1	
84	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục áp đường số 12 ấp Tầm Lanh, xã Hiệp Thanh	720	720				681	681				94,6	
85	Làm mới mương thoát nước và sửa chữa đường vào Công ty Cổ phần cao su Tây Ninh, ấp Đa Hạng, xã Hiệp Thanh	1.720	1.720				1.136	1.136				66,1	
86	Nâng cấp Kênh nối tiếp KC N8-13 nội đồng	650	650				625	625				96,1	
87	Nâng cấp Kênh nối tiếp KC N8-15 tại K2+812 nội đồng	400	400				396	396				98,9	

STT	Dự án	Kế hoạch 2024					Giải ngân đến 31/12/2024						Ghi chú
		Tổng kế hoạch	Trong đó				Tổng giải ngân đến 31/12/2024	Trong đó				% so KH	
			Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
88	Nâng cấp cống ngăn triều trên bờ hữu Suối Cà nôm (T4B Rạch Nho)	130	130				130	130				100,0	
89	Nâng cấp, mở rộng đường liên ấp đường số 1-QL22B (Đường liên ấp Bông Trang-Bến Chò), xã Thanh Đức	2.040	2.040				1.360	1.360				66,7	
90	Nâng cấp láng nhựa đường liên ấp Bến Đình - Trà Võ (nhà nghỉ Thanh Việt), xã Thanh Đức	500	500				295	295				59,0	
91	Nâng cấp láng nhựa đường số 6 -QL22B Ấp Bông Trang, xã Thanh Đức	630	630				623	623				98,9	
92	Sửa chữa đảm bảo giao thông đường tổ 5-6-7 và đường đường 9/5 (tổ 15) ấp Bến Rộng xã Thanh Đức	420	420				400	400				95,2	
93	Nâng cấp BTXM đường trục ấp đường tổ 12-13 ấp Bến Rộng xã Thanh Đức	760	760				760	760				100,0	
94	Nâng cấp BTXM đường trục ấp đường nhánh đường số 14 - QL 22B, ấp Trà Võ xã Thanh Đức	490	490				367	367				74,8	
95	Sửa chữa đường số 15 ấp Bến Mương xã Thanh Đức	580	580				552	552				95,2	
96	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường TCND Đường trục ấp đường tổ 06 Đuôi Sa ấp Rộc B xã Thanh Đức	500	500				364	364				72,9	
97	Nâng cấp BTXM Đường trục ấp đường nhánh số 22 (tổ 8-9-10) ấp Phước Hội B, xã Phước Thạnh	530	530				204	204				38,6	
98	Sửa chữa, cải tạo đường số 22 ấp Phước Hội B, xã Phước Thạnh	500	500				500	500				100,0	
99	Sửa chữa đường Lon ấp Phước Hoà - Phước Đông, xã Phước Thạnh	610	610				607	607				99,5	
100	Nâng cấp BTXM Đường trục ấp đường nhánh đường hẻm 293 ấp Phước Hội A, xã Phước Thạnh	360	360				163	163				45,2	
101	Sửa chữa đường và cải tạo mương thoát nước đường đến trung tâm xã Phước Thạnh	2.150	2.150				1.343	1.343				62,5	
102	Lắp đặt dụng cụ thể thao ngoài trời xã Phước Thạnh	440	440				440	440				100,0	
103	Sửa chữa Trường tiểu học Phước Hội	650	650				566	566				87,1	
104	Sửa chữa Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Học tập cộng đồng xã Phước Thạnh	370	370				364	364				98,5	
105	Sửa chữa chợ xã Phước Thạnh	360	360				360	360				100,0	
II	Chỉnh trang đô thị	60.000	60.000	0	0	0	59.642	59.642	0	0	0	99,4	
	Dự án khởi công mới 2024												
1	Nâng cấp mở rộng đường vào khu tái định cư thị trấn Gò Dầu	30.000	30.000				29.642	29.642				98,8	
	Dự án chuyển tiếp												
2	Khu tái định cư thị trấn Gò Dầu	30.000	30.000				30.000	30.000				100,0	
III	Hỗ trợ khác	10.700	10.700	0	0	0	10.700	10.700	0	0	0	100,0	
	Dự án chuyển tiếp												
1	Trường Trung học cơ sở Thanh Đức	4.000	4.000				4.000	4.000				100,0	
2	Khu tái định cư thị trấn Gò Dầu	6.700	6.700				6.700	6.700				100,0	
IV	Hỗ trợ Đề án xây dựng trụ sở làm việc, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác cho Công an xã giai đoạn 2021-2025	6.485	6.485	0	0	0	6.485	6.485	0	0	0	100,0	
	Dự án khởi công mới 2024												
1	Nhà làm việc công an xã Bàu Đồn	1.835	1.835				1.835	1.835				100,0	
2	Nhà làm việc công an xã Phước Đông	1.550	1.550				1.550	1.550				100,0	
3	Nhà làm việc công an xã Phước Thạnh	1.550	1.550				1.550	1.550				100,0	
4	Nhà làm việc công an xã Thanh Phước	1.550	1.550				1.550	1.550				100,0	

STT	Dự án	Kế hoạch 2024					Giải ngân đến 31/12/2024					Ghi chú	
		Tổng kế hoạch	Trong đó				Tổng giải ngân đến 31/12/2024	Trong đó					
			Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		% so KH
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
V	Hỗ trợ xây dựng đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục tiểu học và trung học cơ sở giai đoạn 2023-2025	10.000	10.000	0	0	0	8.488	8.488	0	0	0	84,9	
1	Xây mới 02 phòng bộ môn Trường Tiểu học Thanh Bình	950	950				390	390				41,1	
2	Xây mới 02 phòng bộ môn Trường Tiểu học Bàu Đôn	950	950				950	950				100,0	
3	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường THCS Lê Lợi	475	475				435	435				91,6	
4	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Cẩm Long	475	475				363	363				76,4	
5	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Cẩm An	475	475				386	386				81,3	
6	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Cẩm Thăng	475	475				386	386				81,2	
7	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Bến Rồng (điểm chính)	475	475				388	388				81,6	
8	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Ấp Rộc	475	475				455	455				95,8	
9	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Xóm Bó (điểm chính)	475	475				455	455				95,9	
10	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Xóm Bó (điểm Tâm Lanh)	475	475				377	377				79,4	
11	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Cây Đa	475	475				405	405				85,3	
12	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường trung học cơ sở Hiệp Thanh	475	475				443	443				93,2	
13	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Xóm Mới	475	475				475	475				100,0	
14	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Phước Hội	475	475				465	465				98,0	
15	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Bàu Đôn (điểm ấp 3)	475	475				460	460				96,8	
16	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Ấp 5 Bàu Đôn	475	475				427	427				89,8	
17	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Ấp 6 Bàu Đôn	475	475				475	475				100,0	
18	Nhà đa năng Trường Trung học cơ sở Bàu Đôn	975	975				753	753				77,2	
C	VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN	101.691	-	-	-	101.691	99.090	-	-	-	99.090	97,4	
I	Nguồn cân đối ngân sách	12.190	0	0	0	12.190	11.477	0	0	0	11.477	94,1	
a	Ngân sách cấp huyện	11.190	0	0	0	11.190	10.548	0	0	0	10.548	94,3	
1	Sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất trường học	3.000	0	0	0	3.000	3.000	0	0	0	3.000	100,0	
1.1	Sửa chữa trường Tiểu học Đá Hàng	1.500				1.500	1.500				1.500	100,0	
1.2	Sửa chữa trường Tiểu học Bàu Đôn	863				863	863				863	100,0	
1.3	Sửa chữa hàng rào trường Trung học cơ sở Lê Lợi	137				137	137				137	100,0	
1.4	Xây mới khối nhà thực hành trường Trung học cơ sở Hiệp Thanh	500				500	500				500	100,0	
2	Chuẩn bị đầu tư	600	0	0	0	600	600	0	0	0	600	100,0	
2.1	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng công cộng trên tuyến đường Man Chà ấp 7, xã Bàu Đôn	150				150	150				150	100,0	
2.2	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng công cộng trên tuyến đường Cẩm An-Làng Cát ấp Cẩm An, xã Cẩm Giang	150				150	150				150	100,0	
2.3	Hệ thống đèn trang trí tỉnh lộ 782 (đoạn từ cầu Cây Trường đến ngã ba Bàu Đôn)	150				150	150				150	100,0	

STT	Dự án	Kế hoạch 2024					Giải ngân đến 31/12/2024						Ghi chú
		Tổng kế hoạch	Trong đó				Tổng giải ngân đến 31/12/2024	Trong đó				% so KH	
			Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
2.4	Nâng cấp đường dây điện phục vụ hệ thống chiếu sáng công cộng đường tỉnh lộ 782 (đoạn từ cầu Cây Trường đến ngã ba Bàu Đôn)	150				150	150				150	100,0	
3	Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội	7.590	0	0	0	7.590	6.948	0	0	0	6.948	91,5	
3.1	Nhà làm việc công an xã Bàu Đôn	700				700	700				700	100,0	
3.2	Nhà làm việc công an xã Phước Đông	700				700	700				700	100,0	
3.3	Nhà làm việc công an xã Phước Thanh	700				700	700				700	100,0	
3.4	Nhà làm việc công an xã Thanh Phước	700				700	700				700	100,0	
3.5	Nâng cấp đường và cống Cầu Đôn, huyện Gò Dầu	2.000				2.000	2.000				2.000	100,0	
3.6	Nâng cấp đường và cống Cầu Hiệp Thanh, huyện Gò Dầu	2.000				2.000	1.358				1.358	67,9	
3.7	Xây dựng nền tảng 3D bảo tồn, quản bá văn hóa, du lịch địa phương trên địa bàn huyện	790				790	790				790	100,0	
b	Ngân sách cấp xã	1.000				1.000	929				929	92,9	
II	Nguồn thu tiền sử dụng đất	73.681	0	0	0	73.681	72.235	0	0	0	72.235	98,0	
1	Thanh toán khối lượng và tất toán công trình XDCB hoàn thành	12.371	0	0	0	12.371	12.011	0	0	0	12.011	97,1	
*	Các công trình xây dựng nông thôn mới (Mã CTMT giao thông, điện chiếu sáng, kênh thủy lợi- 00492; văn hóa-00496; thể dục thể thao -00495)												
1.1	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường tổ 17-18 ấp Xóm Đông, xã Thanh Phước	80				80	80				80	100,0	
1.2	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường tổ 11-21 ấp Xóm Đông, xã Thanh Phước	62				62	62				62	100,0	
1.3	Láng nhựa đường trục ấp đường tổ 13-16 ấp Xóm Đông, xã Thanh Phước	419				419	406				406	96,8	
1.4	Láng nhựa đường trục ấp đường hẻm 52 - HL 1 ấp Cây Xoài, xã Thanh Phước	395				395	385				385	97,4	
1.5	Bê tông xi măng đường trục ấp đường tổ 14-15 ấp Xóm Mới 1, xã Thanh Phước	29				29	22				22	74,2	
1.6	Bê tông xi măng đường trục ấp đường tổ 11-12-13 ấp Xóm Mới 1, xã Thanh Phước	168				168	168				168	100,0	
1.7	Bê tông xi măng đường trục ấp đường tổ 5-6-12 ấp Xóm Mới 2, xã Thanh Phước	130				130	122				122	94,2	
1.8	Láng nhựa đường trục ấp đường tổ 14-15 ấp Xóm Mới 2, xã Thanh Phước	405				405	390				390	96,3	
1.9	Nâng cấp bê tông xi măng đường trục ấp đường hẻm 130 đường Cầu Sao - Xóm Đông, xã Thanh Phước	46				46	46				46	100,0	
1.10	Nâng cấp láng nhựa đường trục ấp đường tổ 5 ấp Rồng Tượng, xã Thanh Phước	115				115	115				115	100,0	
1.11	Nâng cấp láng nhựa đường trục ấp đường Hẻm 154 đường Cầu Sao Xóm Đông, xã Thanh Phước	165				165	165				165	100,0	
1.12	Láng nhựa đường trục ấp đường hẻm 34 ấp Rồng Tượng, xã Thanh Phước	163				163	163				163	100,0	
1.13	Bê tông xi măng đường hẻm 77 đường Cầu Sao Xóm Đông ấp Trâm Vàng 1, xã Thanh Phước	55				55	55				55	100,0	
1.14	Nâng cấp láng nhựa đường trục ấp đường hẻm 69 - Quốc lộ 22, xã Thanh Phước	184				184	184				184	100,0	
1.15	Nâng cấp bê tông xi măng đường trục ấp đường hẻm 46 - Quốc Lộ 22, xã Thanh Phước	52				52	52				52	100,0	
1.16	Bê tông xi măng đường hẻm 91 đường Cầu Sao Xóm Đông ấp Trâm Vàng 1, xã Thanh Phước	41				41	41				41	100,0	
1.17	Bê tông xi măng đường hẻm 262 - QL22 ấp Trâm Vàng 2, xã Thanh Phước	41				41	41				41	100,0	
1.18	Bê tông xi măng đường tổ 10 ấp Trâm Vàng 3, xã Thanh Phước	71				71	71				71	100,0	
1.19	Bê tông xi măng đường tổ 19-20 ấp Trâm Vàng 3, xã Thanh Phước	162				162	162				162	100,0	
1.20	Bê tông hóa kênh N18-19-3, xã Thanh Phước	8				8	8				8	100,0	
1.21	Bê tông hóa kênh N18-19-3-6, xã Thanh Phước	42				42	42				42	100,0	
1.22	Hệ thống chiếu sáng công cộng, trồng cây xanh và gỡ giảm tốc các tuyến đường giao thông nông thôn mới xã Thanh Phước	298				298	278				278	93,5	
1.23	Láng nhựa đường trục ấp đường số 8 - QL22B ấp Bông Trang, xã Thanh Đức	16				16	16				16	100,0	

STT	Dự án	Kế hoạch 2024					Giải ngân đến 31/12/2024						Ghi chú
		Tổng kế hoạch	Trong đó				Tổng giải ngân đến 31/12/2024	Trong đó				% so KH	
			Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1.24	Bê tông xi măng đường trục ấp đường tổ 10 ấp Trà Vồ, xã Thanh Đức	97				97	97				97	100,0	
1.25	Bê tông xi măng đường trục ấp đường số 38 QL 22B, ấp Bến Mương, xã Thanh Đức	60				60	60				60	100,0	
1.26	Lăng nhựa đường trục ấp đường số 32 - QL22B ấp Bến Mương, xã Thanh Đức	87				87	77				77	88,0	
1.27	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường tổ 12+14 ấp Bến Chồ, xã Thanh Đức	16				16	6				6	36,2	
1.28	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường tổ 01+03 ấp Bến Rộng, xã Thanh Đức	9				9	0				0	0,0	
1.29	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường tổ 7 ấp Đường Long xã Thanh Đức	17				17	17				17	100,0	
1.30	Lăng nhựa đường trục ấp đường số 9 ấp Xóm Bỏ, xã Hiệp Thanh	77				77	63				63	81,7	
1.31	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp tổ 24+31 (2 Nhánh) ấp Đa Hàng, xã Hiệp Thanh	3				3	3				3	100,0	
1.32	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục chính nội đồng đường tổ 1,2 ấp Cây Đa, xã Hiệp Thanh	225				225	225				225	100,0	
1.33	Lăng nhựa đường trục ấp đường tổ 3 ấp Cây Đa, xã Hiệp Thanh	92				92	83				83	89,6	
1.34	Lăng nhựa đường trục ấp đường tổ 8 (2 Nhánh) ấp Chánh, xã Hiệp Thanh	5				5	0				0	0,0	
1.35	Bê tông xi măng đường trục ấp đường tổ 8 ấp Xóm Bỏ, xã Hiệp Thanh	155				155	155				155	100,0	
1.36	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục chính nội đồng đường tổ 14-18 ấp Xóm Bỏ, xã Hiệp Thanh	8				8	3				3	37,8	
1.37	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường Cẩm Giang 1-đoạn 2 ấp Cẩm An, xã Cẩm Giang	85				85	75				75	88,1	
1.38	Bê tông xi măng đường trục ấp đường số 15 ấp Bầu Vừng, xã Phước Trach	84				84	81				81	97,0	
1.39	Bê tông xi măng đường trục ấp đường số 21 ấp Bầu Vừng, xã Phước Trach	1				1	0				0	0,0	
1.40	Bê tông xi măng đường trục ấp đường tổ 14 ấp Bầu Vừng, xã Phước Trach	2				2	0				0	0,0	
1.41	Sửa chữa đảm bảo giao thông các tuyến đường ấp Xóm Mía, xã Phước Trach (đường số 18, đường số 20, đường số 22, đường số 37, đường số 33, đường số 29+31)	274				274	267				267	97,8	
1.42	Sửa chữa đảm bảo giao thông các tuyến đường ấp Cây Ninh, xã Phước Trach (đường số 25, đường tổ 6)	2				2	0				0	23,1	
1.43	Bê tông xi măng đường trục ấp đường tổ 14 - 15 ấp Cây Ninh, xã Phước Trach	2				2	0				0	0,0	
1.44	Nâng cấp, sửa chữa các tuyến đường số 5-782, 21-782; 22-782; 23-782; 8-HL1, xã Phước Đông	144				144	138				138	95,7	
1.45	Nhà văn hóa - Thể thao ấp Phước Hội A	34				34	31				31	90,3	
1.46	Nhà văn hóa - Thể thao ấp 4	86				86	82				82	95,2	
1.47	Lắp đặt dụng cụ tập luyện ngoài trời và sân nền xã Thanh Đức	547				547	542				542	99,1	
1.48	Lắp đặt dụng cụ tập luyện ngoài trời và sân nền xã Hiệp Thanh	105				105	103				103	98,3	
1.49	Lắp đặt dụng cụ tập luyện ngoài trời và sân nền xã Phước Trach	151				151	149				149	98,5	
1.50	Lắp đặt dụng cụ tập luyện ngoài trời và sân nền xã Phước Thanh	281				281	278				278	98,8	
1.51	Lắp đặt dụng cụ tập luyện ngoài trời và sân nền xã Cẩm Giang	361				361	347				347	96,1	
	Các công trình phát triển kinh tế - xã hội												
1.52	Sửa chữa trường Mẫu Giáo Phước Đông (Điểm lẻ)	87				87	84				84	96,8	
1.53	Sửa chữa trường Tiểu học Thị Trấn	137				137	130				130	95,3	
1.54	Sửa chữa trường Mầm non Trần Thị Sanh	135				135	129				129	95,2	
1.55	Sửa chữa trường Tiểu học Suối Cao (Điểm Cây Trắc)	11				11	7				7	68,1	
1.56	Nhà làm việc công an xã Hiệp Thanh	611				611	594				594	97,2	
1.57	Nhà làm việc công an xã Phước Trach	659				659	659				659	100,0	
1.58	Nhà làm việc công an xã Cẩm Giang	450				450	433				433	96,4	
1.59	Nhà làm việc công an xã Thanh Đức	700				700	700				700	100,0	
1.60	Nhà tang lễ huyện Gò Dầu	2.786				2.786	2.752				2.752	98,8	
1.61	Cải tạo 02 hàng mục phụ Ban Chỉ huy quân sự huyện Gò Dầu	199				199	191				191	96,1	

STT	Dự án	Kế hoạch 2024					Giải ngân đến 31/12/2024					Ghi chú	
		Tổng kế hoạch	Trong đó				Tổng giải ngân đến 31/12/2024	Trong đó					% so KH
			Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1.62	Xây mới hàng rào nhà làm việc Tiểu đội dân quân thường trực Khu liên hợp Phước Đồng	175				175	171				171	97,7	
1.63	Di dời cổng chào	26				26	20				20	75,6	
1.64	Sửa chữa cổng chào trên địa bàn thị trấn	28				28	21				21	76,9	
1.65	Trang trí tết năm 2023	32				32	26				26	80,0	
1.66	Sửa chữa các hạng mục phụ trợ sở nhà làm việc Huyện ủy	33				33	7				7	21,4	
1.67	Sửa chữa Trung tâm Chính trị huyện Gò Dầu	44				44	38				38	86,5	
1.68	Sửa chữa hội trường UBND huyện Gò Dầu và nhà làm việc Huyện Đoàn	18				18	13				13	69,2	
1.69	Làm mới cổng, hàng rào và thiết bị hội trường trụ sở Công an huyện	45				45	43				43	95,0	
1.70	Nâng cấp, mở rộng đường Phước Thanh Cầu Ô	19				19	19				19	100,0	
1.71	Sửa chữa và lắp đặt hệ thống camera an ninh trên địa bàn huyện	17				17	17				17	100,0	
2	Xây dựng cơ sở vật chất trường học (đối ứng công trình Xây mới khối nhà thực hành trường Trung học cơ sở Hiệp Thạnh)	1.200				1.200	1.200				1.200	100,0	
3	Đối ứng xây dựng nông thôn mới	16.110	0	0	0	16.110	16.110	0	0	0	16.110	100,0	
	Giao thông												
3.1	Làng nhựa đường trục ấp đường số 1A ấp Phước Bình B, xã Phước Thạnh	450				450	450				450	100,0	
3.2	Làng nhựa đường trục ấp đường tổ 5 (đi nhà 7 Hùn) ấp Phước Bình A, xã Phước Thạnh	320				320	320				320	100,0	
3.3	Làng nhựa đường trục ấp đường số 33 ấp Phước An, xã Phước Thạnh	450				450	450				450	100,0	
3.4	Làng nhựa đường trục ấp đường số 31 ấp Phước An, xã Phước Thạnh	220				220	220				220	100,0	
3.5	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục chính nội đồng đường nhánh số 28 ấp Phước Bình B, xã Phước Thạnh	310				310	310				310	100,0	
3.6	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục chính nội đồng đường số 26 ấp Phước Bình B, xã Phước Thạnh	230				230	230				230	100,0	
3.7	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường TCND đường tổ 2 - tổ 8 ấp Phước Bình B, xã Phước Thạnh	900				900	900				900	100,0	
3.8	Làng nhựa đường trục ấp đường 74 ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	380				380	380				380	100,0	
3.9	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường nhánh (Tổ 1) trục chính nội đồng đường số 72 ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	295				295	295				295	100,0	
3.10	Làng nhựa đường trục ấp đường số 52 nối tiếp ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	450				450	450				450	100,0	
3.11	Làng nhựa đường trục ấp đường nhánh số 22 ấp Phước Hội B, xã Phước Thạnh	490				490	490				490	100,0	
3.12	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường nhánh số 52 ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	170				170	170				170	100,0	
3.13	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục chính nội đồng đường nhánh số 32 ấp Phước Tây, xã Phước Thạnh	330				330	330				330	100,0	
3.14	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường hẻm 84 ấp Phước Bình A, xã Phước Thạnh	140				140	140				140	100,0	
3.15	Làng nhựa đường trục ấp đường cấp văn phòng ấp Phước Bình A, xã Phước Thạnh	500				500	500				500	100,0	
3.16	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường số 04 ấp Phước An, xã Phước Thạnh	270				270	270				270	100,0	
3.17	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường TCND đường số 30 ấp Phước Bình B, xã Phước Thạnh	270				270	270				270	100,0	
3.18	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường số 29 ấp Phước Bình B, xã Phước Thạnh	130				130	130				130	100,0	
3.19	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường số 76 ấp Phước Hòa, xã Phước Thạnh	110				110	110				110	100,0	
3.20	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường nhánh đường Phước Thạnh - Phước Đông (Đường Cầu Ô) Nhà ông Tư Lao ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	80				80	80				80	100,0	

STT	Dự án	Kế hoạch 2024					Giải ngân đến 31/12/2024					Ghi chú	
		Tổng kế hoạch	Trong đó				Tổng giải ngân đến 31/12/2024	Trong đó					% so KH
			Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
3.21	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường TCND đường nhánh đường Phước Thạnh - Phước Đông (Đường Cầu Ô) Nhà trọ Ngân Khánh - đất ruộng ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	270				270	270				270	100,0	
3.22	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường số 4 ấp Phước Đông (2 đoạn), xã Phước Thạnh	340				340	340				340	100,0	
3.23	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường TCND đường nhánh đường số 72 ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh (nhà ông Đắc)	300				300	300				300	100,0	
3.24	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường nhánh số 24 ấp Phước Đông (3 đoạn), xã Phước Thạnh	630				630	630				630	100,0	
3.25	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường nhánh số 327 (Đoạn 2)(tổ 7 nhà Út Chúa và nhà bà Thìa) ấp Phước Hội A, xã Phước Thạnh	290				290	290				290	100,0	
3.26	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường nhánh số 49 ấp Phước Hòa, xã Phước Thạnh	220				220	220				220	100,0	
3.27	BTXM đường trục ấp đường Cầu Tư Hu ấp Phước Đông , xã Phước Thạnh	220				220	220				220	100,0	
3.28	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường tổ 2 ấp Phước Đông (Đường xuống nhà bà Bôi)	125				125	125				125	100,0	
3.29	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp, ấp Phước Đông (Đường nhà ông Đăng Văn Ránh)	145				145	145				145	100,0	
3.30	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường số 36+46 ấp Phước Đông, xã Phước Thạnh	360				360	360				360	100,0	
3.31	Làng nhựa đường trục ấp đường số 103, ấp Phước Tây, xã Phước Thạnh	165				165	165				165	100,0	
3.32	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường số 62+66 ấp Phước Hòa, xã Phước Thạnh	290				290	290				290	100,0	
3.33	BTXM Đường trục ấp đường số 90, ấp Phước Bình A, xã Phước Thạnh	240				240	240				240	100,0	
3.34	BTXM đường trục ấp đường tổ 3 ấp Giữa, xã Hiệp Thạnh	250				250	250				250	100,0	
3.35	BTXM đường trục ấp đường hẻm 2 Đồi - 3 Giang ấp Giữa, xã Hiệp Thạnh	260				260	260				260	100,0	
3.36	BTXM đường và mương đường trục ấp đường tổ 12 ấp Phước Đức B, xã Phước Đông	485				485	485				485	100,0	
3.37	Làng nhựa đường trục ấp đường số 29-782 ấp Suối Cao B, xã Phước Đông	950				950	950				950	100,0	
3.38	BTXM đường và mương đường trục ấp đường tổ 12 ấp Suối Cao A, xã Phước Đông	420				420	420				420	100,0	
3.39	BTXM đường trục ấp đường số 54 ấp 4 xã Bàu Đôn	410				410	410				410	100,0	
3.40	BTXM đường trục ấp đường số 56 ấp 4 xã Bàu Đôn	650				650	650				650	100,0	
3.41	BTXM đường trục ấp đường tổ 9 ấp Bến Đình, xã Thạnh Đức	250				250	250				250	100,0	
3.42	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường trục ấp đường tổ 8-9 Cầu Cây Dương ấp Bến Rộng, xã Thạnh Đức	410				410	410				410	100,0	
	Chiều sáng - cây xanh												
3.43	Hệ thống chiếu sáng công cộng các tuyến đường giao thông nông thôn mới xã Phước Thạnh	600				600	600				600	100,0	
3.44	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng công cộng trên tuyến đường Man Chà ấp 7, xã Bàu Đôn	1.120				1.120	1.120				1.120	100,0	
3.45	Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng công cộng trên tuyến đường Cẩm An-Làng Cát ấp Cẩm An, xã Cẩm Giang	215				215	215				215	100,0	
4	Các dự án hạ tầng kỹ thuật khác	44.000	0	0	0	44.000	42.915	0	0	0	42.915	97,5	
4.1	Khu tái định cư thị trấn Gò Dầu	28.000				28.000	27.999				27.999	100,0	
4.2	Sở chỉ huy thống nhất huyện Gò Dầu tỉnh Tây Ninh	4.000				4.000	4.000				4.000	100,0	
4.3	Hệ thống chiếu sáng đường Quốc lộ 22 (đoạn từ Thị trấn Gò Dầu đến nhà thờ Bình Nguyên)	6.000				6.000	4.915				4.915	81,9	
4.4	Nâng cấp và mở rộng cầu Thi, xã Hiệp Thạnh	5.000				5.000	5.000				5.000	100,0	
4.5	Hệ thống đèn trang trí Quốc lộ 22 và Quốc lộ 22B thị trấn Gò Dầu	1.000				1.000	1.000				1.000	100,0	
III	Nguồn tăng thu tiền sử dụng đất	7.000	0	0	0	7.000	7.000	0	0	0	7.000	100,0	

STT	Dự án	Kế hoạch 2024					Giải ngân đến 31/12/2024						Ghi chú
		Tổng kế hoạch	Trong đó				Tổng giải ngân đến 31/12/2024	Trong đó				% so KH	
			Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I	Sửa chữa, cải tạo mương thoát nước đường Cao Sơn Tự, xã Phước Trạch	7.000				7.000	7.000				7.000	100,0	
IV	Chi ủy thác qua ngân hàng chính sách xã hội (nguồn cân đối ngân sách)	2.100				2.100	2.100				2.100	100,0	
V	Nguồn tăng thu tiền sử dụng đất năm 2023 chuyển sang năm 2024	6.720	0	0	0	6.720	6.278	0	0	0	6.278	93,4	
1	Sửa chữa trường Tiểu học Đá Hàng	600				600	600				600	100,0	
2	Nhà làm việc công an xã Bàu Đôn	500				500	500				500	100,0	
3	Nhà làm việc công an xã Phước Đông	300				300	300				300	100,0	
4	Nhà làm việc công an xã Phước Thanh	200				200	200				200	100,0	
5	Nhà làm việc công an xã Thanh Phước	500				500	500				500	100,0	
6	Nâng cấp đường và cống Cầu Đôn, huyện Gò Dầu	1.500				1.500	1.500				1.500	100,0	
7	Chính trang đô thị thị trấn Gò Dầu	1.020				1.020	977				977	95,8	
8	Xây mới phòng Hồ Chí Minh trụ sở Ban chỉ huy quân sự huyện Gò Dầu	300				300	296				296	98,7	
9	Sửa chữa, cải tạo trụ sở Huyện ủy và UBND huyện	850				850	791				791	93,1	
10	Xây mới 02 phòng bộ môn Trường Tiểu học Thanh Bình	20				20	20				20	100,0	
11	Xây mới 02 phòng bộ môn Trường Tiểu học Bàu Đôn	20				20	20				20	100,0	
12	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường THCS Lê Lợi	10				10	10				10	100,0	
13	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Cẩm Long	10				10	10				10	100,0	
14	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Cẩm An	10				10	10				10	100,0	
15	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Cẩm Thăng	10				10	10				10	100,0	
16	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Bến Rông (điểm chính)	10				10	10				10	100,0	
17	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Ấp Rộc	10				10	10				10	100,0	
18	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Xóm Bò (điểm chính)	10				10	10				10	100,0	
19	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Xóm Bò (điểm Tâm Lan)	10				10	10				10	100,0	
20	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Cây Đa	10				10	10				10	100,0	
21	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường trung học cơ sở Hiệp Thanh	10				10	10				10	100,0	
22	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Xóm Mới	10				10	10				10	100,0	
23	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Phước Hội	10				10	10				10	100,0	
24	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Bàu Đôn (điểm ấp 3)	10				10	10				10	100,0	
25	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Ấp 5 Bàu Đôn	10				10	10				10	100,0	
26	Xây mới 01 phòng bộ môn Trường Tiểu học Ấp 6 Bàu Đôn	10				10	10				10	100,0	
27	Nhà đa năng Trường Trung học cơ sở Bàu Đôn	30				30	30				30	100,0	
28	Chuẩn bị đầu tư	730	0	0	0	730	393	0	0	0	393	53,8	
28.1	Sửa chữa đường và cải tạo mương đường số 20, đường nhánh số 20 và đường số 22 ấp Xóm Mía, xã Phước Trạch	100				100	0				0	0,0	
28.2	Cải tạo mương đường số 1A và đường nhánh 1B, xã Phước Trạch	70				70	70				70	100,0	
28.3	Làm mới mương thoát nước và sửa chữa đường vào Công ty Cổ phần cao su Tây Ninh, ấp Đá Hàng, xã Hiệp Thanh	130				130	130				130	100,0	

STT	Dự án	Kế hoạch 2024					Giải ngân đến 31/12/2024					Ghi chú	
		Tổng kế hoạch	Trong đó				Tổng giải ngân đến 31/12/2024	Trong đó					% so KH
			Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		Xổ số kiến thiết	Ngân sách TW hỗ trợ	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Ngân sách huyện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
28.4	Nâng cấp, mở rộng đường liên ấp đường số 1-QL22B (Đường liên ấp Bông Trang-Bến Chò), xã Thanh Đức	190				190	13				13	6,9	
28.5	Nâng cấp cấp phối đá dăm đường TCND Đường trục ấp đường tổ 06 Đuôi Sa ấp rộc B xã Thanh Đức	50				50	0				0	0,0	
28.6	Sửa chữa, cải tạo đường số 22 ấp Phước Hội B, xã Phước Thạnh	40				40	40				40	100,0	
28.7	Sửa chữa đường và cải tạo mương thoát nước đường đến trung tâm xã Phước Thạnh	140				140	140				140	100,0	
28.8	Sửa chữa Trung tâm Văn hóa – Thể thao và Học tập cộng đồng xã Phước Thạnh	10				10	0				0	0,0	

Gò Dầu, ngày 04 tháng 01 năm 2025

KT.TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Văn Tuyền